

BẢN TIN HÀNG NGÀY

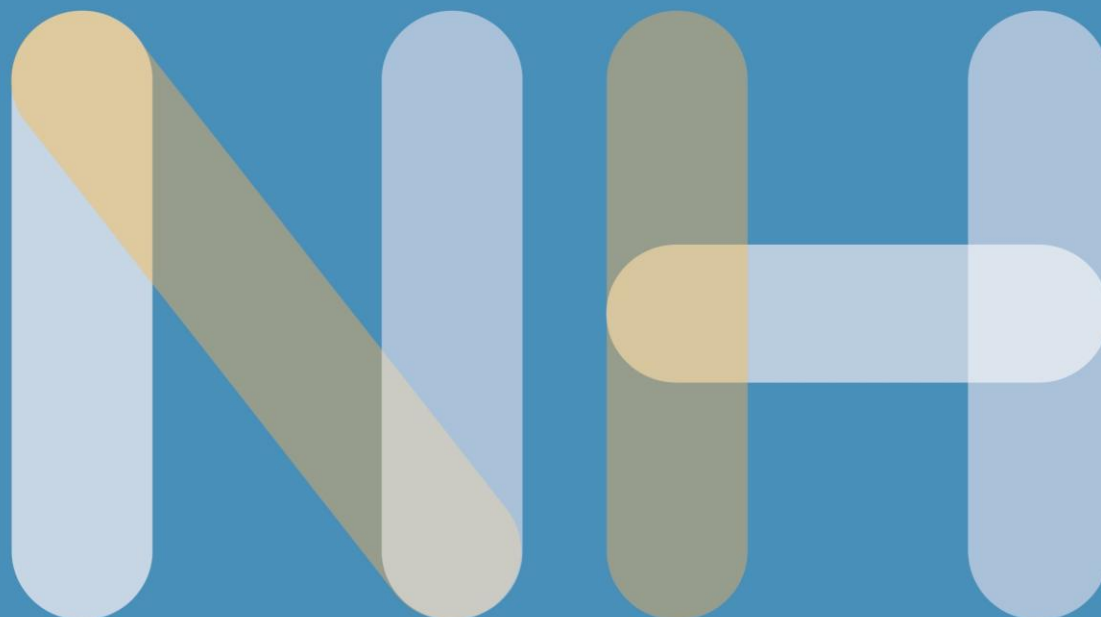
07 tháng 9 năm 2026



Tham gia Cộng đồng
Nhà đầu tư NHSV trên Zalo

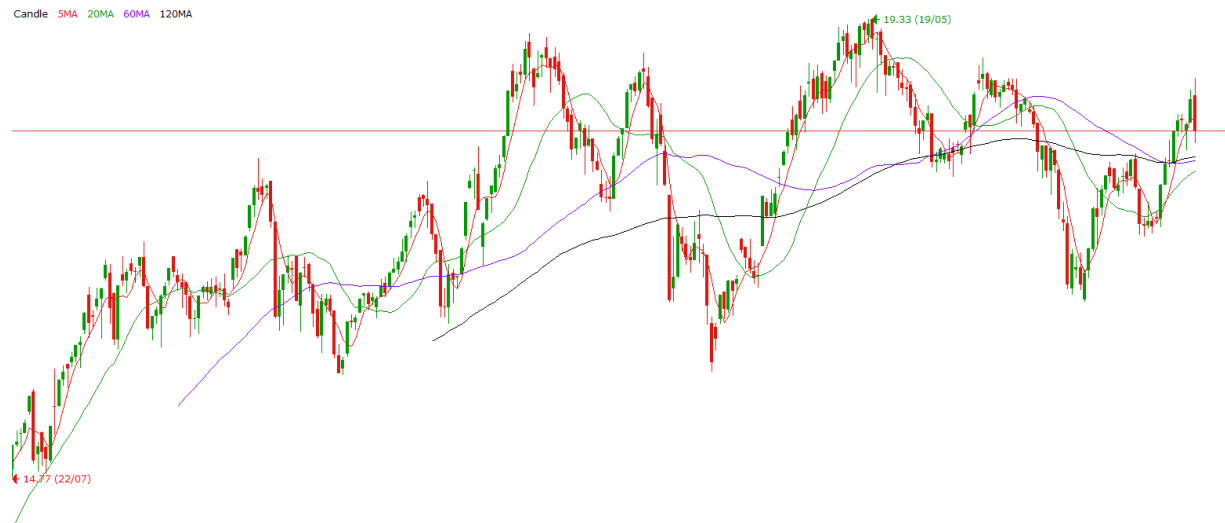


Tải ứng dụng NHSV Pro để mở tài
khoản và giao dịch



VIC giảm 4.3%, Vn-Index giảm 31 điểm

- Vn-Index mở cửa tăng khoảng 10 điểm, sau đó giảm dần trong suốt quãng thời gian còn lại và đóng cửa giảm tới 31 điểm
- VIC tăng 9 điểm đầu ngày, sau đó đóng cửa giảm tới 11.1 điểm là lý do quan trọng khiến Vn-Index giảm, VIC đóng góp 17.5 điểm vào chiều giảm
- Số mã giảm gấp 2.9 lần số mã tăng, độ rộng nghiêng hoàn toàn về phía giảm, hầu hết cổ phiếu và nhóm ngành giảm điểm
- Chỉ có nhóm khu công nghiệp và điện là có thể tăng nhẹ
- Giá trị giao dịch khớp lệnh trên sàn HOSE tăng nhẹ 0.8% so với ngày trước đó.

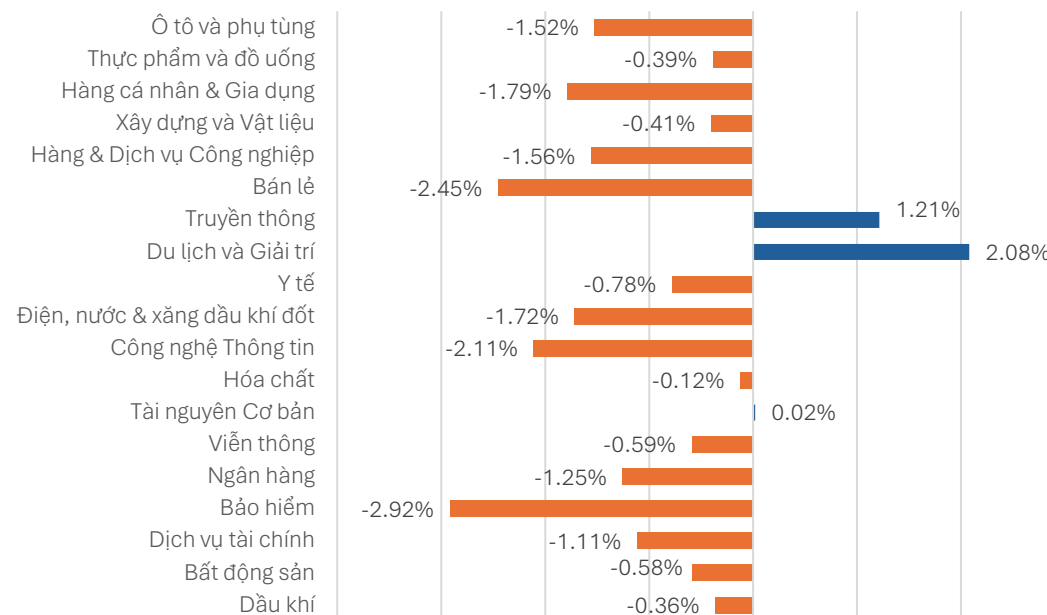


	HOSE	HNX	UPCOM
Đóng cửa	1,821.6	280.6	127.6
(+/-)	-31.44	-1.93	-0.3
(%)	-1.70%	-0.68%	-0.23%
Khối lượng giao dịch (Triệu cp)	498	36	20
Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	13,628	621	331
Giao dịch khối ngoại (Tỷ VND)	(466)	(4)	19
Số mã tăng	84	48	85
Số mã giảm	235	84	111
Số mã giá không đổi	51	54	91

1.

Nhận định thị trường

- Vn-Index giảm rất sâu, đa phần cổ phiếu giảm điểm, và chênh lệch giá cao nhất và thấp nhất ngày lên tới hơn 60 điểm, đã xác nhận xu hướng giảm ngắn hạn
- Ngoài ra, Vn-Index giảm với thanh khoản thấp, chưa cho thấy dấu hiệu đã tạo đáy
- Đây mới là phiên giảm đầu tiên, do đó, nhà đầu tư vẫn chưa nên vội vã bắt đáy.
- Hỗ trợ tốt nằm tại vùng khoảng 1,760 điểm



STT	Nhóm ngành	PE	PB
1	Dầu khí	8.54	1.62
2	Nguyên vật liệu	10.62	1.45
3	Công nghiệp	11.59	1.68
4	Hàng Tiêu dùng	13.43	2.25
5	Dược phẩm và Y tế	14.21	1.48
6	Dịch vụ Tiêu dùng	18.42	3.43
7	Viễn thông	19.18	5.94
8	Tiện ích Cộng đồng	10.73	1.70
9	Tài chính	19.13	2.99
10	Ngân hàng	8.62	1.43
11	Công nghệ Thông tin	12.62	2.55

2.

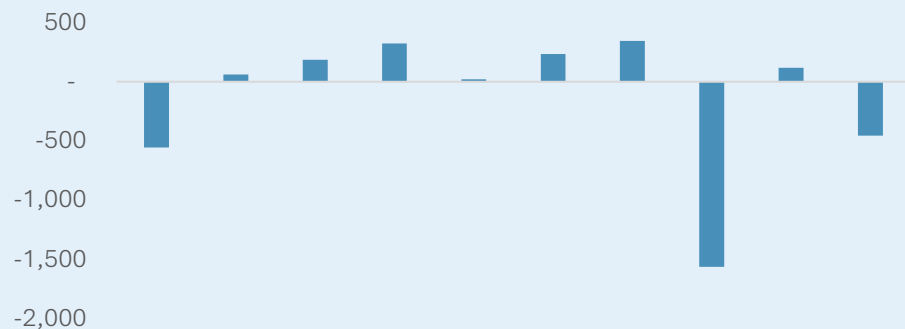
Hiệu suất cổ phiếu theo ngành

Ngân hàng		Bất động sản		Chứng khoán		Thực phẩm		Xây dựng		Nguyên liệu CB		Tiện ích		Hóa chất	
SSB	2.29%	VRE	1.89%	TVS	1.44%	VCF	5.25%	CII	1.40%	DHC	0.14%	CHP	2.55%	GVR	0.63%
LPB	1.33%	SZC	1.26%	DSE	0.67%	DBC	0.89%	VGC	-0.13%	HSG	0.00%	SHP	1.13%	DPR	0.27%
HDB	0.55%	HDC	0.43%	ORS	0.00%	FMC	0.00%	PC1	-0.25%	PTB	-0.31%	TDM	0.50%	PHR	0.16%
ACB	0.23%	KBC	0.37%	VDS	-1.27%	HAG	0.00%	HTI	-0.53%	NKG	-0.47%	REE	0.44%	DGC	-0.21%
MSB	0.00%	KDH	0.29%	VND	-2.14%	BHN	0.00%	VCG	-0.63%	HPG	-0.69%	POW	0.00%	VFG	-0.57%
EIB	-0.88%	BCM	0.24%	BSI	-2.22%	SBT	0.00%	BMP	-0.70%	ACG	-0.78%	TMP	0.00%	AAA	-1.12%
STB	-0.91%	TCH	0.00%	VCI	-2.69%	MCM	-0.37%	HHV	-0.80%			PGV	0.00%	DPM	-2.19%
VIB	-1.00%	DIG	0.00%	CTS	-3.03%	VHC	-0.38%	CTD	-1.29%			NT2	0.00%	DCM	-2.30%
TPB	-1.02%	SIP	0.00%	DSC	-4.61%	MSN	-0.58%	CTR	-2.12%			VSH	-0.12%	CSV	-3.64%
SHB	-1.24%	KOS	0.00%			KDC	-0.77%					PPC	-0.34%		
BID	-1.37%	NVL	-0.38%			BAF	-1.08%					BWE	-0.60%		
VCB	-1.53%	QCG	-0.45%			SAB	-1.10%					GEG	-1.17%		
MBB	-1.70%	IJC	-0.69%			ANV	-1.77%					GAS	-1.43%		
VPB	-1.80%	NLG	-0.78%			PAN	-1.83%					PGD	-1.79%		
CTG	-1.91%	VHM	-0.93%			VNM	-1.94%					HNA	-2.29%		
TCB	-2.15%	PDR	-1.23%			ASM	-2.50%								
NAB	-2.16%	DXS	-1.55%												
OCB	-2.84%	CRE	-2.29%												
		DXG	-2.54%												
		HDG	-2.86%												
		SJS	-3.10%												
		VPI	-3.41%												
		VIC	-4.33%												

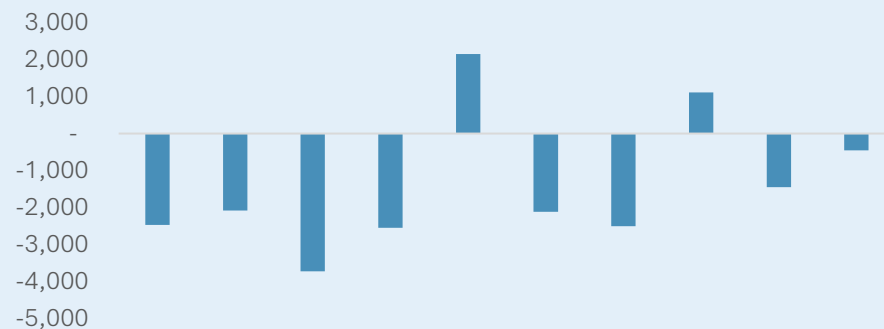
3.

Giao dịch khối ngoại

Giao dịch khối ngoại - 10 ngày



Giao dịch khối ngoại - 10 tuần



Top mua ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị ròng
1	HDB	HOSE	60.65	6.64	54.01
2	VRE	HOSE	55.65	12.85	42.80
3	VPB	HOSE	114.25	79.89	34.36
4	VHM	HOSE	134.15	115.55	18.60
5	NLG	HOSE	20.53	3.61	16.92
6	HCM	HOSE	31.59	15.06	16.53
7	MSR	UPCoM	16.32	2.88	13.44
8	DCM	HOSE	18.47	5.96	12.51
9	MCH	HOSE	20.34	8.79	11.54
10	PVT	HOSE	10.59	2.17	8.42
11	FUEVFNVD	HOSE	7.80	0.33	7.47
12	VSC	HOSE	7.66	0.43	7.23
13	KBC	HOSE	7.91	0.95	6.96
14	KDH	HOSE	9.39	2.67	6.72
15	VJC	HOSE	11.06	4.99	6.07

Top bán ròng

STT	Mã	Sàn	Giá trị mua	Giá trị bán	Giá trị ròng
1	VCB	HOSE	14.67	106.46	- 91.80
2	CTG	HOSE	12.52	86.20	- 73.68
3	VIC	HOSE	259.52	312.88	- 53.36
4	SHB	HOSE	3.65	47.14	- 43.49
5	DXG	HOSE	10.60	53.71	- 43.11
6	MBB	HOSE	11.84	44.94	- 33.10
7	VIX	HOSE	5.79	35.46	- 29.68
8	STB	HOSE	20.64	48.12	- 27.48
9	VNM	HOSE	47.83	73.77	- 25.94
10	NVL	HOSE	28.82	54.34	- 25.52
11	OCB	HOSE	4.91	30.43	- 25.52
12	GMD	HOSE	3.19	25.65	- 22.46
13	PNJ	HOSE	13.49	34.94	- 21.45
14	TCB	HOSE	29.28	45.43	- 16.15
15	GAS	HOSE	10.88	24.66	- 13.78

4.

Cập nhật vĩ mô

	Gần nhất	1D	1W	YTD
Giá dầu Brent (USD/thùng)	96.28	0.38%	9.28%	58.23%
Giá dầu WTI (USD/thùng)	89.31	-2.66%	7.09%	55.54%
Giá vàng thế giới (USD/ounce)	4,429.80	-1.38%	-1.08%	2.41%
Tỷ giá trung tâm (USD/VND)	25,611	0.02%	0.00%	1.95%
Tỷ giá bán Vietcombank (USD/VND)	26,250	-0.02%	-0.04%	-0.48%
Tỷ giá bán TT tự do (USD/VND)	25,810	0.00%	-0.65%	-3.77%
Lãi suất qua đêm – Liên ngân hàng	4.60%	-1.41%	3.41%	2.83%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 1 năm	3.67%	0.00%	0.00%	0.60%
Lợi suất trái phiếu chính phủ 3 năm	3.86%	0.00%	-0.01%	0.68%

Tuần 03-04/09: NHNN tiếp tục bơm ròng gần 10,800 tỷ. Lãi suất qua đêm ngày 7/9 giảm xuống 4,6% từ mức 6% cuối tuần trước

Trong tuần đầu tiên của tháng 9 (ngày 03-04/09), Ngân hàng Nhà nước (NHNN) tiếp tục bơm ròng 10,788 tỷ đồng qua kênh OMO với kỳ hạn từ 7-91 ngày và lãi suất 4.5%/năm.

Cập nhật đến ngày 7/9, lãi suất liên ngân hàng kỳ hạn qua đêm tăng lên 4,6%/năm

5.

Bản tin doanh nghiệp



HDG: Hà Đô gánh hơn 800 tỷ đồng nợ xấu liên quan hai nhà máy điện mặt trời

Theo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ năm 2026 đã được soát xét ợi nhuận sau thuế của CTCP Tập đoàn Hà Đô (HDG) lên hơn 386 tỷ đồng, tăng 86% so với số liệu tự lập, chủ yếu nhờ điều chỉnh giảm giá vốn bất động sản.

Tính đến cuối tháng 6, nợ xấu của Hà Đô hơn 939 tỷ đồng, đã trích lập dự phòng gần 937 tỷ đồng, Trong số này, khoản phải thu từ Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) có giá gốc hơn 804 tỷ đồng và đã được trích lập dự phòng toàn bộ.



PAP: Cảng Phước An muốn nâng vốn đầu tư dự án lên gần 18.000 tỷ đồng

CTCP Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An (PAP) dự kiến trình cơ quan có thẩm quyền hồ sơ đề nghị điều chỉnh Dự án đầu tư xây dựng Cảng Phước An. Phương án mới nâng tổng vốn từ hơn 11.024 tỷ đồng lên gần 17.892 tỷ đồng, tương ứng tăng gần 6.800 tỷ đồng. Thời gian thực hiện cũng được kéo dài từ giai đoạn 2017–2026 sang 2017–2031.

Ngoài ra, HĐQT PAP cũng trình cổ đông kế hoạch kinh doanh cho giai đoạn 2026–2030. Theo đó, dù doanh thu tăng qua các năm, PAP dự kiến vẫn lỗ trước thuế tới 2030 với mức lỗ trên nghìn tỷ mỗi năm. Bên cạnh đó, chi phí lãi vay có thể tăng từ khoảng 955 tỷ đồng năm 2026 lên 2.174 tỷ đồng vào năm 2030.



DMX: Điện Máy Xanh cán mốc 87.000 tỷ đồng doanh thu sau 8 tháng

CTCP Đầu tư Điện Máy Xanh (DMX) vừa công bố kết quả kinh doanh 8 tháng đầu năm với doanh thu đạt 87.050 tỷ đồng, tăng 29% so với cùng kỳ (YoY) và hoàn thành 71% kế hoạch năm. Tăng trưởng đồng đều trên tất cả các chuỗi và nhóm sản phẩm chính nhờ SSSG 30%. Trong cơ cấu doanh thu (không bao gồm Thợ Điện Máy Xanh) 8 tháng đầu năm, Điện Máy Xanh đóng góp 67%, Thế Giới Di Động chiếm 30% và TopZone chiếm 4%. Xét theo ngành hàng, nhóm CNTT & Điện thoại (ICT) chiếm 54% doanh thu, điện máy gia dụng (CE) chiếm 41% và dịch vụ chiếm 5%

6.

Lịch sự kiện

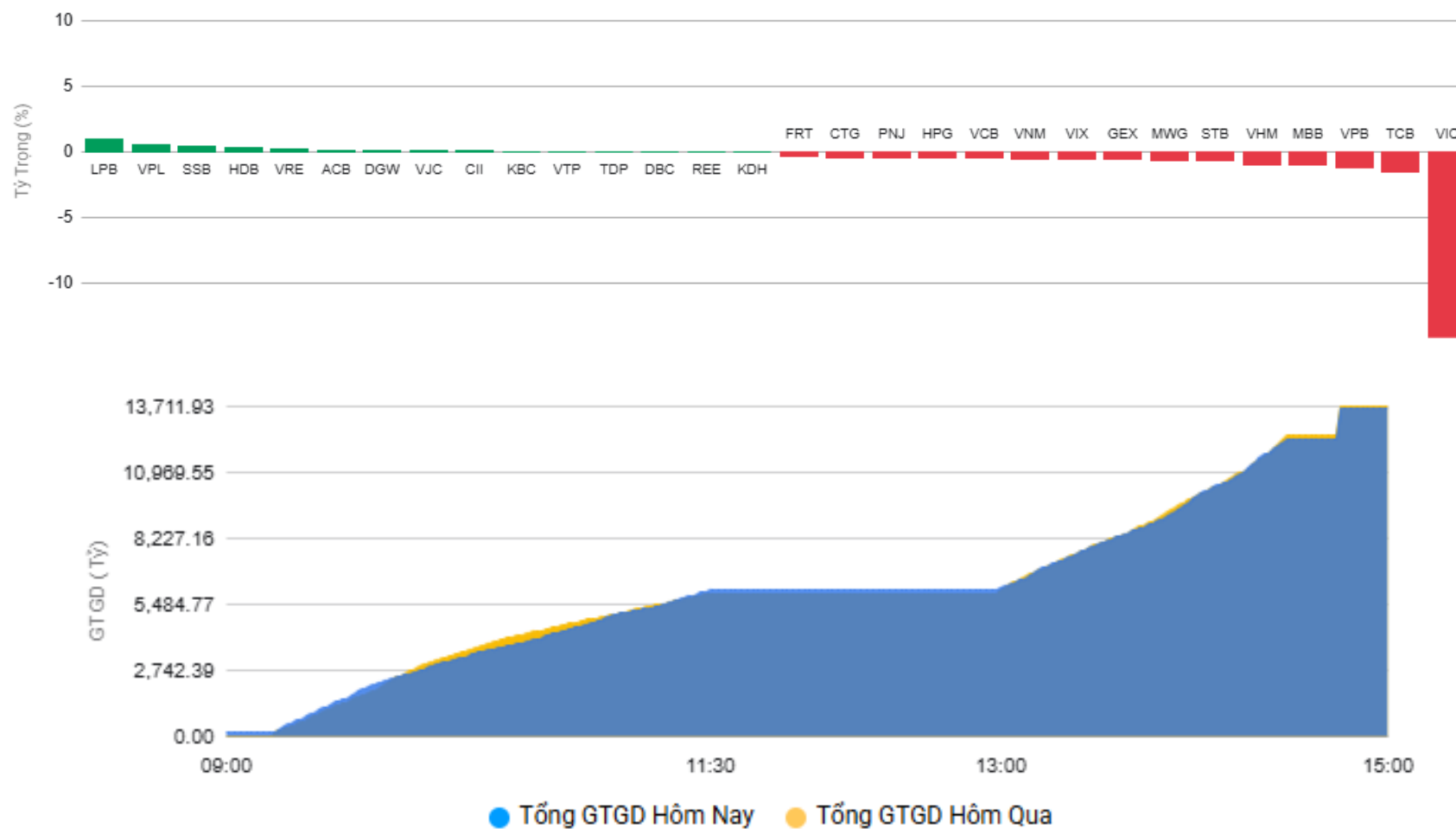
Mã	Ngày GDKHQ	Ngày thực hiện	Sự kiện	Tỷ lệ thực hiện	Giá trị
DP1	08/09/2026	15/10/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	25%	2,500
VAV	08/09/2026	09/10/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5.00%	500
PTB	08/09/2026	30/09/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000
DNC	08/09/2026	09/10/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000
DIG	08/09/2026		Phát hành cổ phiếu	6.00%	
HAD	08/09/2026	25/09/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	12.00%	1,200
BPC	08/09/2026	12/10/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	3.00%	300
SHC	09/09/2026	24/09/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5.00%	500
PDN	09/09/2026	25/09/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	20.00%	2,000
HUB	09/09/2026		Phát hành cổ phiếu	5.00%	
HUB	09/09/2026	29/09/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10.00%	1,000
DNN	09/09/2026	22/09/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	10%	1,000
BMI	09/09/2026	29/09/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	5%	500
DVP	09/09/2026	30/09/2026	Trả cổ tức bằng tiền mặt	30%	3,000

7.

Số liệu thị trường

NHÓM ẢNH HƯỞNG MẠNH TỚI CHỈ SỐ

BIỂU ĐỒ PHÂN TÁN



8.

Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (07/09/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
VPB	20/5/2024	23/07/2026	34,000	27,300	24.5%	Link	Link
TPB	1/7/2024	07/08/2026	20,000	14,550	37.5%	Link	Link
TCB	12/8/2024	24/07/2026	37,300	31,900	16.9%	Link	Link
MBB	29/8/2024	27/3/2026	30,380	20,200	50.4%	Link	Link
ACB	23/9/2024	29/07/2026	27,000	22,250	21.3%	Link	Link
HDB	15/10/2024	1/4/2026	32,191	27,350	17.7%	Link	Link
CTG	28/11/2024	27/03/2026	41,300	30,800	34.1%	Link	Link
VCB	24/2/2025	07/08/2026	72,000	58,000	24.1%	Link	Link
BID	20/3/2025	17/3/2026	47,720	36,000	32.6%	Link	Link
STB	14/5/2025	31/03/2026	58,700	76,600	-23.4%	Link	Link
HPG	13/01/2025	9/2/2026	30,636	21,550	30.4%	Link	Link
HSG	14/02/2025	4/3/2026	12,420	10,600	10.4%	Link	Link
NKG	7/3/2025	12/2/2026	14,500	10,700	14.0%	Link	Link
VSC	18/06/2025	6/3/2026	27,450	13,600	101.8%	Link	Link
HAH	31/3/2025	5/3/2026	59,455	46,750	27.2%	Link	Link
PVT	17/7/2025	10/3/2026	24,000	19,950	20.3%	Link	Link

8.

Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (07/09/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
NLG	30/9/2024	02/06/2026	40,400	25,500	58.4%	Link	Link
KDH	23/10/2024	20/11/2025	42,000	17,350	99.4%	Link	Link
DXG	15/11/2024	4/12/2025	18,246	11,500	49.6%	Link	Link
DXS	15/1/2025	4/12/2025	12,000	5,710	40.1%	Link	Link
KBC	22/1/2025	27/11/2025	40,500	27,200	48.9%	Link	Link
BCM	4/8/2024	15/12/2025	83,000	42,400	95.8%	Link	Link
VRE	21/3/2025	30/07/2026	29,600	27,000	9.6%	Link	Link
VHM	29/4/2025	04/08/2026	75,000	74,500	0.7%	Link	Link
HDC	5/6/2025	30/01/2026	21,043	11,750	79.1%	Link	Link
PDR	30/6/2025	19/03/2026	18,600	12,050	54.4%	Link	Link
FRT	5/2/2026	05/02/2026	170,000	136,400	24.6%	Link	Link
MWG	13/2/2026	13/2/2026	106,500	72,000	47.9%	Link	Link
PVD	3/03/2026	3/3/2026	24,270	18,500	31.2%	Link	Link
DGW	23/04/2026	23/04/2026	49,000	41,800	17.2%	Link	Link

8.

Khuyến nghị của NHSV Research

CPPVT	Ngày đánh giá lần đầu	Ngày định giá lại gần nhất	Giá mục tiêu (sau điều chỉnh)	Giá hiện tại (07/09/2026)	%	Báo cáo lần đầu	Báo cáo cập nhật gần nhất
VNM	28/05/2026	28/05/2026	75,000	60,700	23.6%		Link
ANV	05/06/2026	05/06/2026	31,000	16,650	86.2%		Link
VHC	05/06/2026	05/06/2026	75,000	52,300	43.4%		Link
PHR	05/06/2026	05/06/2026	84,000	61,900	35.7%		Link
FMC	12/06/2026	12/06/2026	45,000	33,650	33.7%		Link
REE	12/06/2026	12/06/2026	62,000	45,750	35.5%		Link
DPG	12/06/2026	12/06/2026	45,000	28,800	56.3%		Link
SIP	18/06/2026	18/06/2026	74,000	48,900	51.3%		Link
IDC	19/06/2026	19/06/2026	54,550	31,600	72.6%		Link
PHP	26/06/2026	26/06/2026	59,000	45,800	28.8%		Link

Trụ sở chính

Tầng 9, tòa tháp Đông, Lotte Center Hà Nội, số 54 Liễu Giai, phường Giảng Võ, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Chi nhánh Hà Nội

Tầng trệt tòa Somerset Grand Hanoi & Phòng 505, tầng 5 Tòa Tháp Hà Nội, số 49 Hai Bà Trưng, phường Cửa Nam, Hà Nội

Hotline: 1900.1055

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, tòa nhà President Place, Số 93 Nguyễn Du, Phường Sài Gòn, TP HCM

Hotline: 0283.838.5917

TUYÊN BỐ MIỄN TRÁCH

Báo cáo này thuộc sở hữu của NHSV. Mọi hành vi sao chép, in ấn khi không có sự cho phép của NHSV đều bị nghiêm cấm. Báo cáo này không nên được coi là một lời đề nghị giao dịch mua bán bất kỳ cổ phiếu nào. Mặc dù những thông tin, dự báo và nhận định trong báo cáo này được dựa trên các nguồn thông tin đáng tin cậy, NHSV không thể khẳng định sự chính xác và hoàn thiện của các nguồn thông tin này. NHSV sẽ không chịu trách nhiệm trước bất kỳ thiệt hại, mất mát nào đến từ việc sử dụng bất kỳ thông tin, nhận định nào đến từ báo cáo này.

